

TRƯỜNG TIỂU HỌC

Họ và tên:

Lớp:

ÔN LUYỆN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 202 – 202

Môn: **TOÁN - LỚP 5**

(Thời gian làm bài: phút)

Điểm

Lời phê của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 ĐIỂM)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số thập phân "Ba trăm linh năm phẩy không bảy mươi hai" được viết là:

A. 305,72

B. 305,072

C. 350,072

D. 305,720

Câu 2. Giá trị chữ số 4 trong số thập phân 82,745 là:

A. 0,4

B. 4

C. 0,04

D. 0,004

Câu 3. Số đo diện tích nào sau đây là lớn nhất?

A. 0,75 km²

B. 7,5 ha

C. 750 m²

D. 0,0075 km²

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 4,5m và chiều dài gấp đôi chiều rộng. Diện tích mảnh đất đó là:

A. 40,5 m²

B. 20,25 m²

C. 81 m²

D. 9 m²

Câu 5. Số thập phân lớn nhất có hai chữ số ở phần thập phân mà khi làm tròn đến hàng đơn vị được kết quả là 9:

A. 9,49

B. 8,99

C. 9,50

D. 9,99

Câu 6. Tổng số thóc thu hoạch vụ chiêm và vụ mùa của nhà bác Hà là 5 tấn 400kg. Biết vụ mùa thu hoạch nhiều hơn vụ chiêm 600kg. Vậy trung bình mỗi tháng trong vụ mùa (kéo dài 4 tháng) nhà bác Hà thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

A. 30 tạ

B. 7,5 tạ

C. 300 tạ

D. 75 tạ

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

Bài 1. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a) $482,37 + 156,25$

b) $645,2 - 238,94$

c) $48,5 \times 3,4$

d) $21,35 : 0,7$

Bài 2. Cho các số thập phân sau: 8,35; 8,53; 8,5; 8,05 (1 điểm)

a. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

b. Làm tròn số lớn nhất đến hàng phần mười.

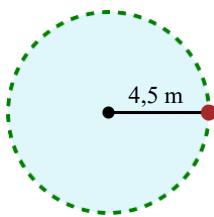
Bài giải

Bài 3. Tính giá trị biểu thức: (1 điểm)

$(145,6 - 98,4) \times 2,5$

$432\,000 + 12\,500 : 25$

Bài 4. Một con dê được buộc vào một chiếc cọc đóng giữa bãi cỏ bằng một sợi dây thừng dài 4,5m (như hình vẽ bên). Hỏi con dê có thể ăn cỏ trong phạm vi diện tích là bao nhiêu mét vuông? (2 điểm)



Bài giải

Bài 5. Từ 4 chữ số 0; 2; 5; 8, hãy cho biết lập được bao nhiêu số thập phân có hai chữ số sau dấu phẩy mà có phần nguyên là 0. (1 điểm)

Bài giải